

記入例 Ví dụ cách điền

監護相当・生計費の負担についての確認書

Giấy xác nhận việc gánh vác chi phí sinh hoạt, tương đương giám hộ

Thị trưởng Toyohashi

Reiwa 6 Năm 9 Tháng 2 Ngày

【Người tuyên bố】 Người yêu cầu, người thụ hưởng trợ cấp trẻ em

Địa chỉ Imabashi chou 1 Banchi higashikan 2kai 18gou

Furigana とよはし たろう
Họ tên TOYOHASHI TAROU

Ngày sinh Showa 53 Năm 8 Tháng 9 Ngày

Số điện thoại 090-1234-5678

Vui lòng nhập trẻ trong khoảng từ ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 22 tuổi. Nếu không có trẻ nào đủ điều kiện để bổ sung con thứ 3 thì không cần nộp.

Tôi tuyên bố đúng như những gì khai sau đây, những trẻ được miêu tả (注1) dưới đây, tôi chịu trách nhiệm giám hộ ,chăm sóc cuộc sống hàng ngày và cung cấp sự bảo hộ cần thiết đồng thời gánh vác chi phí sinh hoạt (注2) cho đứa trẻ(bên dưới còn gọi là 「Tương đương giám hộ, gánh vác chi phí sinh hoạt」). Nếu được yêu cầu chứng minh tính xác thực của đơn tuyên bố, tôi sẽ nộp những tài liệu liên quan. Nội dung ghi chép theo đúng như bên dưới, nếu có khác với thực tế tôi sẽ hủy bỏ trợ cấp trẻ em và hoàn trả khoản trợ cấp đã được thanh toán.

注1 Trẻ trong độ tuổi từ 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi đến 31/3 đầu tiên sau khi đủ 22 tuổi ,nếu đứa trẻ đang ở trong một cơ sở .vv.không thuộc quyền giám hộ của người nộp đơn thì không thể nhập thông tin này.

注2 Đứa trẻ dựa vào thu nhập của bạn để trang trải toàn bộ hoặc một phần sinh hoạt hàng ngày. Hơn nữa, nếu thiếu khoản đó thì không thể duy trì cuộc sống hàng ngày.

Ghi

Vui lòng ghi địa chỉ trên giấy chứng nhận cư trú

1	Furigana Họ tên とよはし さくら TOYOHASHI SAKURA		Ngày sinh Heisei 17 Năm 10 Tháng 10 Ngày Reiwa				Địa chỉ Tokyoto ○ × Ku × × ×			
	Mã số cá nhân *****	Mối quan hệ Con	Nghề nghiệp (Đánh ✓ vào điều phù hợp) ※ Học sinh Không nghề nghiệp Khác	Nơi học (Chỉ trường hợp là học sinh) ○○大学	Thời gian dự kiến tốt nghiệp (Chỉ trường hợp là học sinh) Reiwa 10 Năm 3 Tháng	Trạng thái giám hộ của người tuyên bố (Đánh ✓ vào điều phù hợp) 1.Cùng chung sống, chăm sóc cuộc sống hàng ngày và cung cấp bảo hộ cần thiết 2. Sống riêng nhưng định kỳ liên lạc, gặp mặt ,tương đương giám hộ 3.Khác ()			Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố (Đánh ✓ vào tất cả điều phù hợp) 1.Chi phí sinh hoạt (Thực phẩm, tiền thuê nhà...) 2.Học phí 3.Mục khác ()	
	Furigana ふりがな		日 月 日 かに(✓) ※ 学生 無職 その他		日 月 日 み) 月		Địa chỉ		Trạng thái giám hộ của người tuyên bố Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố	
2	Furigana Họ tên		Ngày sinh Heisei Reiwa				Địa chỉ			
	Mã số cá nhân	Mối quan hệ Con	Nghề nghiệp (Đánh ✓ vào điều phù hợp) ※ Học sinh Không nghề nghiệp Khác	Nơi học (Chỉ trường hợp là học sinh)	Thời gian dự kiến tốt nghiệp (Chỉ trường hợp là học sinh) Reiwa Năm Tháng	Trạng thái giám hộ của người tuyên bố (Đánh ✓ vào điều phù hợp) 1.同居 2.別居 3.その他 ()			Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố (Đánh ✓ vào tất cả điều phù hợp) 1.Chi phí sinh hoạt (Thực phẩm, tiền thuê nhà...) 2.Học phí 3.Mục khác ()	
	Furigana Họ tên		日 月 日 かに(✓) ※ 学生 無職 その他		日 月 日 み) 月		Địa chỉ		Trạng thái giám hộ của người tuyên bố Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố	
3	Furigana Họ tên		Ngày sinh Heisei Reiwa				Địa chỉ			
	Mã số cá nhân	Mối quan hệ Con	Nghề nghiệp (Đánh ✓ vào điều phù hợp) ※ Học sinh Không nghề nghiệp Khác	Nơi học (Chỉ trường hợp là học sinh)	Thời gian dự kiến tốt nghiệp (Chỉ trường hợp là học sinh) Reiwa Năm Tháng	Trạng thái giám hộ của người tuyên bố (Đánh ✓ vào điều phù hợp) 1.Cùng chung sống, chăm sóc cuộc sống hàng ngày và cung cấp bảo hộ cần thiết 2. Sống riêng nhưng định kỳ liên lạc, gặp mặt ,tương đương giám hộ 3.Khác ()			Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố (Đánh ✓ vào tất cả điều phù hợp) 1.Chi phí sinh hoạt (Thực phẩm, tiền thuê nhà...) 2.Học phí 3.Mục khác ()	
	Furigana Họ tên		日 月 日 かに(✓) ※ 学生 無職 その他		日 月 日 み) 月		Địa chỉ		Trạng thái giám hộ của người tuyên bố Trạng thái gánh vác chi phí sinh hoạt của người tuyên bố	

※ Trường hợp học sinh đang đi làm thêm thì tích ✓ vào học sinh

Giấy xác nhận này chỉ có thể được thực hiện nếu cả 2 cột đều đánh dấu ✓. Vì vậy cột nào cũng phải đánh ✓ ít nhất 1 mục.

Vui lòng ghi thời gian tốt nghiệp dự kiến ở thời điểm hiện tại.
※ Thời gian dự kiến tốt nghiệp sau 31/3 đầu tiên của tuổi 22 cũng được tính như đối tượng tính toán đến 31/3 đầu tiên sau khi đủ 22 tuổi.

Nếu trẻ đi làm và có thu nhập nhưng người nộp đơn(người thụ hưởng) gánh vác chi phí sinh hoạt thì tích vào mục 「Khác」.